CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/BC-.CTH	*Bình Định, ngày 04 tháng 03 năm 2023*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung:

1.*Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Cảng Thị Nại
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp *số:* 4100259282
- Vốn điều lệ: 71.000.000.000 đồng (Bảy mươi mốt tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 71.000.000.000 đồng (Bảy mươi mốt tỷ đồng)
- Địa chỉ: 02 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định
- Số điện thoại: 0256.3891667-3892991
- Số fax/Fax: 0256.3892097
- Website: thinaiport.com.vn
- Mã cổ phiếu: **TNP**
- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 05/01/1994 của UBND tỉnh Bình Định trên cơ sở tách từ đơn vị hạch toán nội bộ của Công ty Vận tải biển - Xuất nhập khẩu Bình Định thành một DNNN trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Bình Định, có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập theo luật DNNN, đất đai thuộc Bộ quốc phòng.

+ Năm 2003 mới được Bộ Giao thông Vận tải cho phép làm hàng tàu quốc tế. Tháng 9/2007, Bộ Quốc phòng giao chủ quyền đất đai cho Tỉnh và bắt đầu xây dựng cơ sở hạ tầng.

+ Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 08/7/2008 chuyển cảng Thị Nại làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Sản xuất - Đầu tư - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Bình Định để thực hiện cổ phần hoá.

+ Quyết định số 2598/QĐ-CTUBND ngày 09/10/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Cảng Thị Nại và chính thức hoạt động mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/01/2010.

+ Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt phương án thoái vốn Nhànước tại Công ty cổ phần Cảng Thị Nại và hoàn

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI
Ký ngày: 4-3-2023 08:48:11

thành công tác thoái hết vốn Nhànước vào ngày 19/05/2015. Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần không có vốn sở hữu của Nhà nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Bốc xếp hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao nhận, cung cấp điện, nước, cân ô tô điện tử; Môi giới, dịch vụ vận tải tàu biển, ô tô; Dịch vụ kỹ thuật kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: Dịch vụ sửa chữa ô tô;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Lai dắt tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Mua bán nông sản;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê thiết bị cẩu – nâng hàng;
- Dịch vụ thương mại: Mua bán khoáng sản.

- Địa bàn kinh doanh : TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban Giám đốc; Các phòng chức năng: Kinh doanh, Điều độ và xếp dỡ, Kế toán, Kỹ thuật, Tổ chức hành chính; các tổ đội sản xuất: Cơ giới, Giao nhận, Bốc xếp, bảo vệ, thu phí CSHT và Xưởng Sửa chữa.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Trong năm 2023 Công ty đặt ra kế hoạch SXKD đạt 2.000.000 tấn hàng hóa thông qua Cảng, doanh thu: 91,37 tỷ; Lợi nhuận trước thuế: 27,448 tỷ.

Về mặt Kinh doanh-Khai thác, sẽ tiếp tục giữ ổn định nguồn hàng hiện có, tiếp tục có chính sách thu hút các nguồn hàng mới đặc biệt là các mặt hàng có tỷ suất lợi nhuận cao; phát triển đa dạng các dịch vụ như: Vận tải, Kho bãi, Logistic để cung cấp dịch vụ trọn gói, khép kín các dịch vụ cho khách hàng.

Trong công tác tổ chức sản xuất, có kế hoạch sắp xếp, bố trí cầu bến đảm bảo hợp lý, tận dụng tối đa thời gian làm việc hữu ích trong ca sản xuất, góp phần giải phóng tàu nhanh, nâng cao năng suất máng ca và thu nhập cho người lao động.

Về công tác quản lý, sẽ tiến hành kiện toàn, sắp xếp, đổi mới, hoàn thiện doanh nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển của Cảng. Rà soát, xây dựng hệ thống các quy trình, quy định để chuẩn hóa trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng quản trị công ty.

Về nguồn nhân lực, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, tay nghề của công nhân lao động. Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, ổn định đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, từng bước tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với người lao động.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Về dự án nạo vét cầu cảng: hiện nay Công ty đã hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý, đã được sự chấp thuận của Cục Hàng Hải, Công ty đang tìm kiếm đơn vị thi công, dự kiến trong năm 2023 sẽ triển khai với chi phí dự kiến khoảng 9 tỷ đồng.

Thực hiện nâng cấp cầu cảng 5000 DWT để đồng bộ hệ thống cầu bến, tiếp nhận tàu hàng trọng tải đến 30.000 DWT, Dự án này hiện nay đã được Bộ GTVT chấp thuận chủ trương trong năm 2022. Công ty vẫn đang tìm kiếm đơn vị thiết kế nâng cấp để trình các cấp có thẩm quyền theo đúng quy định.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay, hoạt động xuất nhập khẩu là thước đo đánh giá kết quả của quá trình hội nhập và cũng là đòn bẩy quan trọng nhằm phát huy mọi nguồn nội lực, tạo thêm vốn đầu tư để đổi mới công nghệ, tăng thêm việc làm, thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, trong thời gian đến Cảng Thị Nại tiếp tục thực hiện các thủ tục để tiến hành triển khai dự án hệ thống kho bãi nằm trên các tuyến QL19 là vùng hậu phương của cảng, theo quy hoạch chung của tỉnh Bình Định theo đề án đã trình các cấp có thẩm quyền nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết thông quan hàng hóa qua cảng trong điều kiện kho bãi tại cảng hạn chế và đã quá tải.

5. Các rủi ro

Những dự báo về khó khăn trong năm 2023 thực tế đã manh nha từ quý 4/2022. Chính vì vậy, Quốc hội cũng chỉ đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2023 khiêm tốn 6,5%, giảm gần 1,5% so với 2022. Với một nền kinh tế mở như VN, nhận diện khó khăn hay lợi thế đều phải đặt trên bối cảnh toàn cầu. Về khách quan, các nền kinh tế lớn trên thế giới chưa đến nỗi suy thoái nhưng tốc độ tăng trưởng cũng chậm lại ở mức thấp hơn năm 2022. Bên cạnh đó, tác động của chiến sự Nga - Ukraine về năng lượng, lương thực chưa lường hết được; cạnh tranh giữa các nền kinh tế lớn vẫn còn là ẩn số.

Trong nước, các yếu tố như lãi suất tăng mạnh, đặc biệt là lãi suất huy động thỏa thuận trên thị trường đang rất cao. Lãi suất cao khiến tiêu dùng cuối cùng sẽ giảm, sản xuất trở nên khó khăn hơn do chi phí sản xuất tăng cao, cầu tiêu dùng giảm cũng sẽ tác động ngược tới cung trong nước và nhu cầu nhập khẩu hàng hóa, do đó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng hàng hóa thông qua Cảng, dự kiến năm 2023 sẽ là 1 năm rất khó khăn.

Ngoài ra Cảng Thị Nại chuyên khai thác các mặt hàng rời, hàng bao nên phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết cho nên thời điểm 06 tháng cuối năm là mùa mưa của Miền Trung cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng thông qua Cảng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2022, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức do ảnh hưởng tiêu cực của tình hình dịch bệnh Covid-19, biến đổi khí hậu, tình hình xung đột quân sự và biến động kinh tế, chính trị ở một số quốc gia trên thế giới, tình hình lạm phát, giá cả nguyên vật liệu tăng cao đã tác động lên chi phí sản xuất, vận chuyển và giá cả thị trường, gây ảnh hưởng đến quy mô sản xuất của một số ngành nghề, doanh nghiệp dẫn đến sản lượng thông qua Cảng cũng bị ảnh hưởng. Kết quả kinh doanh tại Cảng đạt được trong năm 2022 cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	KH 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện 2021	% so với cùng kỳ	% so với KH
-	Sản lượng hàng hóa qua cảng	2.000.000	1.842.585,00	1.735.014	**106,20%**	**92,13%**
I	**Tổng Doanh thu**	**100.000.000.000**	**79.605.725.033**	**95.309.354.859**	**83,52%**	**79,61%**
1	Doanh thu CC Dịch vụ		75.931.292.617	91.969.400.157	82,56%	75,93%
2	Doanh thu cho thuê kho		3.043.624.090	3.282.936.364	92,71%	3,04%
3	Doanh thu hoạt động tài chính		1.257.564.509	700.429.632		
4	Thu nhập khác		*2.401.711*	*3.285.103*		
5	Giảm giá hàng bán		*(629.157.894)*	*(646.696.397)*		
II	**Tổng Chi phí**		**56.223.011.050**	**59.727.327.900**		
1	Giá vốn tiêu thụ		43.867.811.082	47.547.746.752	92,26%	
2	Chi phí quản lý		12.206.131.031	11.458.635.462	106,52%	
3	Chi phí tài chính		135.600.547	647.241.874	20,95%	
4	Chi phí khác		13.468.390	73.703.812		
III	**Lợi nhuận trước thuế**	**37.000.000.000**	**23.382.713.983**	**35.582.026.959**	**65,71%**	**63,20%**
	Thuế TNDN		4.600.014.797	7.029.561.985		
	Lợi nhuận sau thuế		**18.782.699.186**	**28.552.464.974**		

2. Tổ chức và nhân Sự :

a) Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
01	Đồng Thị Ánh	01/01/1956	Giám đốc	15/11/2015	
02	Lâm Đình An	03/02/1953	Phó giám đốc	01/12/2018	
03	Trương Thanh Bình	06/11/1953	Phó giám đốc	20/01/2018	
04	Nguyễn Văn Thi	15/10/1960	Phó giám đốc	04/08/2015	0,18%
05	Đồng Thị Quỳnh Hương	10/12/1982	Phó giám đốc	01/07/2021	0,32%
06	Nguyễn Ngọc Minh	08/01/1984	Kế toán trưởng	01/07/2021	

b) Số lượng cán bộ, nhân viên:

Stt	Các Phòng Ban	Số lượng CBNV
I	**HĐQT và Ban giám đốc**	**6**
II	**Các phòng chức năng**	**30**
-	Phòng Kế toán	5
-	Phòng kinh doanh	4
-	Phòng Tổ chức – hành chính	5
-	Phòng kỹ thuật	3
-	Phòng điều độ - xếp dỡ	13

III	Các bộ phận trực tiếp sản xuất	192
-	Xưởng sửa chữa	5
-	Tổ công cụ	5
-	Tổ thu phí CSHT	3
-	Đội bảo vệ	13
-	Đội cơ giới	20
-	Đội giao nhận	14
-	Đội bốc xếp	125
-	Tổ khâu bao đóng gói	7
	Tổng cộng	**228**

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Đầu tư TSCĐ hữu hình trong năm 2022:

- 01 Cần trục bánh xích Kobelco : 6.018.518.519 đồng
- 01 phễu rót hàng rời 20m3 : 469.970.455 đồng

b) Tình hình thực hiện một số dự án:

- Dự án đầu tư Trung tâm kho bãi Logistics nằm trên tuyến QL19: đã được UBND Tỉnh Bình Định phê duyệt chi tiết xây dựng 1/500, hiện nay vẫn đang triển khai bổ sung diện tích ICD vào quy hoạch cản cạn quốc gia.

- Dự án nâng cấp cầu cảng 5000 DWT để đồng bộ hệ thống cầu bến, tiếp nhận tàu hàng trọng tải đến 30.000 DWT: Dự án này hiện nay đã được Bộ GTVT chấp thuận chủ trương trong năm 2022. Công ty vẫn đang tìm kiếm đơn vị thiết kế nâng cấp để trình các cấp có thẩm quyền theo đúng quy định.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	So sánh 2021 (% tăng giảm)
Tổng giá trị tài sản	107.709.926.087	112.307.489.627	4,27
Doanh thu thuần	94.605.640.124	78.345.758.813	-17,19
Lợi nhuận khác	-70.418.709	-11.066.679	84,3
Lợi nhuận trước thuế	35.582.026.959	23.382.713.983	-34,29
Lợi nhuận sau thuế	28.552.464.974	18.782.699.186	-34,21
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	4.021	2.645	-34,22

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,37	3,08	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,35	3,03	

2. Cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	9,82	8,37	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	10,88	9,13	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	255	144	
+ Hiệu quả sử dụng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản) (%)	87,83	69,76	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất lợi nhuận (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần) (%)	30,18	23,97	
+ Tỷ suất vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu) (%)	40,2	26,45	
+ Tỷ suất sinh lời tài sản (ROA) (Lnhuận sau thuế/Tổng tài sản) (%)	26,50	16,72	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Dthu thuần (%)	37,68	29,86	

5.Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

-Loại cổ phần: Phổ thông

-Tổng số cổ phần **7.1000.000** cổ phần

-Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

Tổng hợp theo danh sách tại ngày 31/12/2022 như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1-Số lượng cổ đông	124	7.100.000	100
2-Cổ đông lớn (sở hữu >5% tổng cổ phần)	2	6.347.410	89,40
3-Cổ đông tổ chức	1	5.349.078	75,34
4-Cổ đông cá nhân	123	1.750.922	24,66
5-Cổ đông trong nước	124	7.100.000	100

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e. Các chứng khoán khác: không

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhìn chung, trong năm 2022 với thị trường hàng hóa có nhiều biến động, sức ép cạnh tranh giữa các cảng ngày càng gay gắt; công ty đã chủ động cơ cấu lại nguồn hàng phù hợp, sắp xếp lịch tàu khoa học nhằm tận dụng hết năng lực cầu bến. Cùng với đó, tăng cường tìm kiếm khách hàng, nguồn hàng mới có doanh thu cao, mở rộng khai thác các tàu có trọng tải

và mặt hàng mang lại năng suất xếp dỡ cao. Theo kế hoạch năm 2022 có mặt hàng thiết bị điện gió có lợi nhuận cao nhưng trước tình hình các dự án điện gió trên cả nước chậm tiến độ tác động đến mặt hàng khai thác của Cảng không đúng theo kế hoạch (trong năm 2022 không khai thác mặt hàng điện gió) dẫn đến kết quả đạt được thông qua một số chỉ tiêu đã thực hiện trong năm 2022 như sau:

-Sản lượng xếp dỡ đạt 1.842.585 tấn đạt 106,20 % so với cùng kỳ năm 2021 và 92,13% so với kế hoạch năm 2022.

-Doanh thu đạt 79.605.725.033 đồng đạt 83.52% so với cùng kỳ năm 2021 và 79.61% so với kế hoạch.

-Lợi nhuận trước thuế đạt 23.382.713.983 đồng đạt 65.71% so với cùng kỳ năm 2021 và 63.20% so với kế hoạch.

Tình hình tài chính:

a) Tình hình đầu tư TSCĐ

STT	TSCĐ	Thực hiện	Ghi chú
	Máy móc thiết bị	**6.488.488.974**	
1	01 Cần trục bánh xích Kobelco (100 tấn)	6.018.518.519	
2	01 phễu rót hàng rời 20m3	469.970.455	
	Tổng cộng	**6.488.488.974**	

b) Trích khấu hao TSCĐ

STT	Nội dung	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	**TSCĐ hữu hình**			
1	Tại ngày 01/01/2022	114.038.782.397	52.262.696.373	61.776.086.024
2	Tăng năm 2022	6.488.488.974		6.488.488.974
3	Giảm năm 2022			
4	Trích khấu hao		5.690.470.295	5.690.470.295
6	Tại ngày 31/12/2022	120.527.271.371	57.953.166.668	62.574.104.703
II	**TSCĐ vô hình**			
1	Tại ngày 01/01/2022	14.308.354.972	0	14.308.354.972
2	Tại ngày 31/12/2022	14.308.354.972	0	14.308.354.972
III	**Bất động sản đầu tư**			
1	Tại ngày 01/01/2022	8.244.096.234	4.232.739.530	4.011.356.704
2	Trích khấu hao		351.154.812	351.154.812
3	Tại ngày 31/12/2022	8.244.096.234	4.583.894.342	3.660.201.892

c) Tình hình nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1.	Phải trả người bán	208.019.947	105.311.265
2.	Người mua trả tiền trước	180.479.297	354.426.573
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.914.547.115	1.084.655.413
4.	Phải trả người lao động	4.463.358.619	2.294.723.259
5.	Chi phí phải trả	297.898.332	311.076.262
6.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	98.552.939	168.101.650
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.409.148.351	977.709.492
8.	Vay và nợ ngắn hạn		800.000.000

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Mở rộng hệ thống kho bãi: Công ty sẽ đẩy mạnh tiến độ của dự án Trung tâm dịch vụ kho bãi tại Quốc lộ 19 xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nhằm đảm bảo khu hậu cần sau cảng, ổn định khu tập kết hàng hóa của khách hàng giúp cho việc phát triển kinh doanh của công ty.

- Tiếp tục đầu tư đổi mới trang thiết bị và đầu tư công nghệ hiện đại để tăng năng suất xếp dỡ, rút ngắn thời gian làm hàng, giảm thời gian tàu chờ để tiết kiệm chi phí.

- Để nâng cao hiệu quả kinh doanh trong tình hình hiện tại và đạt kế hoạch năm 2023 đề ra Cảng Thị Nại xác định tập trung phối hợp với các phòng ban liên quan để kiểm soát công nợ, tăng cường thu hồi nợ không để phát sinh nợ xấu, khó đòi.Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, dự báo thị trường; chủ động thực hiện các biện pháp tốt trong sản xuất, kinh doanh. Tập trung khai thác tốt các mặt hàng hiện hữu; đồng thời tăng cường, đẩy mạnh công tác thị trường, tìm kiếm các mặt hàng mới, khách hàng mới, tránh tình trạng phụ thuộc nhiều vào một số mặt hàng cụ thể, dẫn đến việc không có nguồn hàng thay thế, bù đắp khi các mặt hàng này biến động.

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân trên 10%/năm cả về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: không

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Trong những tháng cuối năm 2022 những khó khăn thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam ngày càng gia tăng, nhất là áp lực lạm phát, ngay từ cuối Quý 1/2022 các chi phí nhiên liệu đầu vào đều tăng cao, tiền thuê đất giai đoạn 2022-2027 tăng 2,6 lần so với giai đoạn trước đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh tại Cảng. Nhận định được những khó khăn trước mắt, ngay từ giữa năm 2022 HĐQT và Ban điều hành đã quyết liệt chỉ đạo hoạt động kinh doanh tại Cảng, qua đó tiếp tục tập trung nguồn lực để tìm kiếm những khách hàng mới, nguồn hàng mới, chú trọng công tác marketing, tập trung tìm hiểu nhu cầu của khách hàng, nâng cao năng lực xếp dỡ nhằm giải phóng tàu nhanh để hạn chế thấp nhất ảnh hưởng của việc chi phí đầu vào tăng cao. Qua đó mặc dù chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận chưa đạt được như kỳ vọng kế hoạch được giao do các yếu tố khách quan, tuy nhiên đó cũng là sự cố gắng nỗ lực của Công ty trong giai đoạn khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc

- HĐQT nhận thấy Ban Giám đốc công ty đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.

- Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, ban hành các văn bản, tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban giám đốc cũng đã tích cực, chủ động chỉ đạo và đồng hành cùng với bộ phận kinh doanh trong công tác tìm kiếm, chăm sóc khách hàng, giải quyết các kiến nghị của khách hàng do đó đã có được các khách hàng trung thành cũng như có thêm các khách hàng mới đảm bảo cho Cảng phát triển ngày càng bền vững.

- Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều được Ban giám đốc báo cáo ngay cho HĐQT để nắm rõ diễn biến tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường năng lực quản trị, đề ra chiến lược, giải pháp toàn diện để nâng cao năng lực sản xuất.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, làm cơ sở pháp lý cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, củng cố, sắp xếp mô hình quản lý phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

V- Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

Bao gồm 3 thành viên, trong đó có 1 thành viên không trực tiếp điều hành công ty. Cụ thể:

TT	Họ tên thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ CP sở hữu(%)	Ghi chú
1	Lâm Ánh Vy	Chủ tịch HĐQT	5,62	Cổ phần cá nhân- Không trực tiếp điều hành
2	Đồng Thị Ánh	Phó Chủ tịch	75,34	Đại diện cổ phần Công ty TNHH TM Ánh Vy
3	Lâm Đình An	Thành viên		

Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể HĐQT, vừa đề cao trách nhiệm cá nhân của chủ tịch và thành viên.

- Giải quyết công việc theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, bảo đảm sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.

- Bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết công việc theo đúng quy định điều lệ, quy định của pháp luật và quy chế làm việc.

- Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch, hiệu quả trong mọi hoạt động.

2. Ban Kiểm soát

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu (%)
03	Võ Thị Thu Hiền	Thành viên	30/06/2020	0,07
04	Nguyễn Hoàng Hải	Trưởng BKS	22/06/2021	
05	Nguyễn Thị Nhanh	Thành viên	22/06/2021	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản tri, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

a. Lương và Thù lao

			Năm 2022	Năm 2021
Bà Đồng Thị Ánh	Phó Chủ tịch HĐQT	Thù lao	84.000.000	84.000.000
	Giám đốc	Tiền lương	345.000.000	345.000.000
Bà Lâm Ánh Vy	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	Thù lao	372.000.000	372.000.000
Bà Đồng Thị Quỳnh Hương	Phó Giám đốc	Tiền lương	320.250.000	146.625.000
	Kế toán trưởng	Tiền lương	-	124.200.000
Ông Lâm Đình An	Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
	Phó Giám đốc	Tiền lương	293.250.000	293.250.000
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Trưởng Ban kiểm soát	Thù lao	-	13.500.000
	Kế toán trưởng	Tiền lương	248.400.000	124.200.000
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Trưởng Ban kiểm soát	Thù lao	30.000.000	15.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	Thù lao	18.000.000	18.000.000
Ông Trần Văn Trung	Thành viên BKS	Thù lao	-	9.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhanh	Thành viên BKS	Thù lao	18.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Văn Thi	Phó Giám đốc	Tiền lương	248.400.000	234.900.000
Ông Trương Thanh Bình	Phó Giám đốc	Tiền lương	320.250.000	274.562.500

b. Giao dịch cổ phần cổ đông nội bộ: không

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: không

VI- Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán : (Trích từ Báo cáo kiểm toán độc lập)

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm tóan và Kế tóan AAC.

(Chi tiết cụ thể như Báo cáo tài chính năm 2022 đăng tải tại Website: thinaiport.com.vn hoặc cổng thông tin UBCK NN)

Nơi nhận:
-UBCK Nhà nước;
-Sàn giao dịch CK Hà Nội;
-Website Công ty;
-Lưu NC, KT, Tký

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI

Đồng Thị Ánh